

Số: /BC-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành một số quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12; Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tiến hành tổng kết việc thi hành một số quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 (sau đây gọi là Luật NHNN); Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 (sau đây gọi là Luật PCRT) và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật các TCTD). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo Luật

1.1. Bối cảnh trong nước

Đất nước ta đang đứng trước ngưỡng cửa bước vào "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc", đặt ra những yêu cầu chưa từng có đối với hệ thống kinh tế và thể chế. Mức độ hoàn thiện của các thể chế phát triển (chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội - con người, môi trường) được nâng lên và ngày càng đầy đủ, đồng bộ, hiện đại; việc thể chế hóa chủ trương, quan điểm, nghị quyết của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và nền dân chủ XHCN đạt được những bước phát triển quan trọng, làm tiền đề phát triển nhanh, bền vững đất nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam¹. Hàng loạt các chỉ đạo quan trọng của Đảng đã được đưa ra trong thời gian vừa qua đặt ra yêu cầu phải rà soát, hoàn thiện thể chế. Trong đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là "tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng"; đồng thời, đề

¹ TS Bùi Trường Giang - ThS Nguyễn Gia Đức, Bối cảnh quốc tế và trong nước - Những vấn đề đặt ra để đưa đất nước vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, Tạp chí Cộng sản, 29/3/2025, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1068702/boi-canhh-quoc-te-va-trong-nuoc---nhung-van-de-dat-ra-de-dua-dat-nuoc-vung-vang-buoc-va-ky-nguyen-moi.aspx#>

ra nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV là “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”; “triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành đồng bộ, thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

Liên quan đến vấn đề này, trước đó, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cũng đã xác định mục tiêu: “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng” và đề ra giải pháp “rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy của các cấp, các ngành, các địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất”.

Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII cũng yêu cầu “các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu tập trung sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn thiện thể chế, nhất là các quy định về quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, quản lý xã hội theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, tổ chức bộ máy của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân; ... Điều chỉnh kịp thời, ban hành đồng bộ các quy định, hướng dẫn để các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị vận hành thông suốt, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình tổ chức mới”.

Bên cạnh đó, Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới yêu cầu “tập trung cao nhất các nguồn lực để tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị để phát triển nhanh và bền vững đất nước...”; “tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Chính phủ,

các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trong đó, Chính phủ tập trung cụ thể hóa, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước,...

Đặc biệt, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội”, đồng thời xác định nhiệm vụ, giải pháp trong đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật là: “xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật”, “hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội” đồng thời, “khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa...”.

Ngoài ra, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh “nghiên cứu bổ sung một số nội dung cần được quy định trong văn bản luật liên quan đến hạn chế quyền, ...”. Đồng thời, Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI xác định công tác lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI tập trung vào các định hướng lớn, trong đó bao gồm “xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật ...”; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu “đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả”; “tập trung khẩn trương tháo gỡ các điểm nghẽn pháp lý để khơi thông, phát huy hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong giai đoạn phát triển mới”.

1.2. Bối cảnh quốc tế

Thế giới đang trải qua những biến chuyển sâu sắc, phức tạp, khó dự báo, có sự đan xen giữa thách thức và thuận lợi. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

mang lại những cơ hội, làm gia tăng năng lực cạnh tranh xong cũng làm phát sinh những rủi ro về môi trường, kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Trật tự thế giới cũng có sự chuyển biến nhanh theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp 4.0 mở ra những cơ hội mới, tác động tích cực đến đời sống, xã hội thông qua việc kiến tạo những sản phẩm công nghệ, bao gồm tài chính công nghệ. Sự phát triển này giúp tăng cường tài chính toàn diện, xóa mờ ranh giới về địa lý, xong cũng mang đến những thách thức mang tính xuyên biên giới về an ninh, chính trị, đặc biệt là làm gia tăng các nguy cơ, rủi ro đến an ninh phi truyền thống, trong đó bao gồm tội phạm rửa tiền. Mức độ, tính chất và những rủi ro hiện hữu đã vượt ra ngoài tầm xử lý của bất kỳ quốc gia riêng lẻ và buộc phải có sự phối hợp, thống nhất mang tính toàn cầu. Để nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam, góp phần quan trọng để tạo môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, các ngành, lĩnh vực cần chủ động rà soát, tích cực hội nhập sâu rộng và thực chất, thực hiện đồng bộ các giải pháp, khuyến nghị quốc tế để góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các rủi ro mang tính xuyên biên giới.

Như vậy, trước bối cảnh thế giới đang có những thay đổi mang tính thời đại, nhằm tạo sự phát triển vượt bậc, bứt phá, tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực và để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, cần thực hiện tổng kết khuôn khổ pháp lý hiện hành nhằm kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, đảm bảo cơ sở pháp lý cho bộ máy nhà nước hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt, không để gián đoạn công việc, không để chùng chေo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ; đồng thời, cần rà soát các quy định pháp luật, hoàn thiện thể chế để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt trong các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, để nâng cao vị thế, uy tín của quốc gia, dân tộc, Việt Nam cũng cần có sự cam kết, đồng hành với các quốc gia để ngăn chặn, đẩy lùi các tội phạm xuyên biên giới thông qua việc rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền để có những hành động, ứng phó mạnh mẽ, kịp thời trước những phát triển mạnh mẽ của tội phạm công nghệ.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

2.1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện các cam kết, khuyến nghị quốc tế, NHNN đã đánh giá và xác định một số quy định hiện hành của Luật NHNN và Luật PCRT về cơ cấu tổ chức,

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cần được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ do chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

2.2. Tiếp đó, tại Báo cáo thẩm định số 83/BCTĐ-BTP ngày 17/3/2026 đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 và Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15, Bộ Tư pháp đề nghị: “cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng, thận trọng phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự án Luật, phù hợp với thời gian trình dự án Luật, đồng thời đảm bảo vừa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, vừa thực hiện được mục tiêu của nhiệm vụ chính trị quan trọng trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền”.

2.3. Đồng thời, tại văn bản số 224/TB-VPCP ngày 30/4/2026 về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng tại cuộc họp về tình hình hoạt động ngân hàng những tháng đầu năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo NHNN rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, Pháp lệnh Ngoại hối cho phù hợp.

2.4. Bên cạnh đó, tại Văn bản số 4597/VPCP-KTTH ngày 19/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng chỉ đạo: “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khẩn trương chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất sửa đổi Luật Các TCTD tại kỳ họp Quốc hội gần nhất để xử lý các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc quản lý tài sản bảo đảm của trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 227/TB-VPCP ngày 04 tháng 5 năm 2026 và các vấn đề khác có liên quan; bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 5 năm 2026.”.

Trên cơ sở thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN tiếp tục rà soát, đánh giá các quy định tại Luật NHNN, Pháp lệnh ngoại hối, Luật các TCTD, Luật PCRT để xác định những khó khăn, vướng mắc cần được sửa đổi, bổ sung ngay nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập của đất nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật NHNN, Luật

PCRT và Luật các TCTD

1.1. Về Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12

Luật NHNN đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011 và thay thế Luật NHNN số 01/1997/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NHNN số 10/2003/QH11.

Để các quy định của Luật có thể đi ngay vào cuộc sống, Thống đốc NHNN đã ban hành Kế hoạch số 5286/KH-NHNN ngày 15/7/2010 về triển khai Luật NHNN và Luật Các TCTD; trong đó, tập trung tuyên truyền phổ biến hai Luật dưới nhiều hình thức phong phú, tổ chức xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thi hành Luật NHNN.

1.2. Về Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15

Tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2023. Luật đã bổ sung thêm nhiều nội dung mới, khắc phục được những hạn chế, bất cập của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, phù hợp và đáp ứng được những yêu cầu từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền. Ngay sau khi Luật được ban hành, NHNN đã khẩn trương xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Luật, đảm bảo cơ sở để các quy định tại Luật được triển khai ngay khi có hiệu lực thi hành.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2022–2025, hoạt động tuyên truyền, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường sự hiểu biết của các cơ quan quản lý và các đối tượng báo cáo trong nền kinh tế về công tác PCRT đã được đẩy mạnh và tạo ra sự chuyển biến trên diện rộng, làm cơ sở cho việc triển khai công tác này một cách có hiệu quả. Các chương trình đào tạo, tập huấn, chuẩn hóa tài liệu phổ biến, hướng dẫn cho các cơ quan quản lý và các đối tượng báo cáo trong từng lĩnh vực đã được NHNN và các cơ quan, bộ, ngành, tổ chức có liên quan triển khai đồng bộ, bài bản.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, giám sát và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCRT đã được NHNN và các Bộ, ngành triển khai đồng bộ, từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế theo hướng quản lý trên cơ sở rủi ro.

Công tác kiện toàn tổ chức, biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCRT cũng từng bước hoàn thiện, bao gồm: Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng,

chống rửa tiền; Kiện toàn cơ cấu tổ chức đơn vị chuyên trách là Cục Phòng, chống rửa tiền; Thiết lập đầu mối các bộ, ngành chịu trách nhiệm về công tác PCRT, tài trợ khủng bố.

Trong thời gian qua, NHNN đã tham mưu Lãnh đạo Chính phủ ban hành các Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt giai đoạn 2021 – 2025²; Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt³; Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt giai đoạn 2026-2030, chuẩn bị cho đánh giá đa phương lần 3 của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với Việt Nam⁴.

1.3. Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Ngay sau khi Luật các TCTD được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 16/6/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011, NHNN đã khẩn trương ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, rà soát các văn bản trong lĩnh vực ngân hàng để sửa đổi, bổ sung, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đảm bảo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất cho quá trình triển khai thực hiện các quy định tại Luật các TCTD. NHNN cũng tích cực tổ chức thực hiện, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các nội dung mới tại Luật, qua đó đảm bảo các quy định tại Luật được người dân, doanh nghiệp hiểu và tuân thủ, thực hiện.

Trên cơ sở phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm, NHNN trình Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định⁵, đồng thời, Thống đốc NHNN đã ban hành 04 Thông tư⁶ để quy định chi tiết Luật các TCTD.

² Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 05/8/2022

³ Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/2/2024

⁴ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 22/4/2026

⁵ Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, CNHN và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái; Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 của Chính phủ quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng.

⁶ Thông tư số 37/2024/TT-NHNN ngày 01/7/2024 quy định về cho vay đặc biệt; Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 quy định về quỹ tín dụng nhân dân; Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày

Đồng thời, để thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật các TCTD (ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 10/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ), NHNN đã trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định⁷ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Quyết định⁸; bên cạnh đó, NHNN đã chủ động rà soát, nghiên cứu và Thống đốc NHNN đã ban hành theo thẩm quyền 44 Thông tư để hướng dẫn thi hành Luật các TCTD.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Về Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12

Qua hơn 15 năm thi hành, Luật NHNN đã tạo cơ sở pháp lý để nâng cao vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của NHNN trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả của các hệ thống thanh toán, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng Xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở quy định của Luật, thẩm quyền của NHNN đã được nâng cao rõ rệt so với giai đoạn trước đó, về cơ bản, NHNN đã có đủ thẩm quyền để tham gia hoạt động trên thị trường, sử dụng các công cụ để điều tiết thị trường, điều tiết hoạt động của các TCTD. Cơ cấu tổ chức của NHNN vừa phản ánh cơ cấu tổ chức của một cơ quan ngang Bộ, vừa thể hiện cơ cấu tổ chức đặc thù của một NHTW. Ở đó, NHNN được tổ chức thành hệ thống tập trung, thống nhất, gồm bộ máy điều hành và các đơn vị hoạt động nghiệp vụ tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc khác.

2.1.1. Thực hiện nhiệm vụ “Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng...” (khoản 4 Điều 4 Luật NHNN), NHNN đã trình Chính phủ ban hành một số văn bản kiện toàn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, cụ thể:

28/6/2024 quy định về Ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

⁷ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập; Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; Nghị định số 175/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định về tổ chức, hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

⁸ Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01/7/2024 quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của TCTD, CNNHNNg.

(i) NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thay thế Nghị định số 156/2013/NĐ-CP. Vụ Ôn định tiền tệ - tài chính được thành lập từ năm 2014, nâng cao vai trò của NHNN trong ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính.

(ii) NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2014/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng trực thuộc NHNN Việt Nam. Năm 2019, NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12/6/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng trực thuộc NHNN, thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg.

(iii) Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan, không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo về Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, ngày 24/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không còn Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trước đây được chuyển cho 03 đơn vị, bao gồm: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng và Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.

2.1.2. Bên cạnh đó, Điều 27 Luật NHNN quy định việc mở tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại NHNN. Trong thời gian qua, NHNN đã mở tài khoản cho Kho bạc Nhà nước. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh không có chi nhánh của NHNN, việc thực hiện các giao

dịch cho Kho bạc Nhà nước theo quy định của NHNN. Quy định này đã góp phần để NHNN có thể điều hành CSTT một cách chặt chẽ, hiệu quả và bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

2.1.3. Về chế độ tài chính, kế toán của NHNN

Để thực hiện đồng thời chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối và chức năng Ngân hàng Trung ương, NHNN được áp dụng cơ chế tài chính riêng, khác với cơ chế sử dụng tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước mà các Bộ, cơ quan hành chính áp dụng. Tại Luật NHNN, chế độ về tài chính, kế toán của NHNN được quy định tại Chương IV (với 07 Điều về vốn, quỹ, thu chi tài chính, kết quả tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán và năm tài chính). Những quy định tại Luật NHNN 2010 đã có tác động tích cực đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của NHNN, đặc biệt là việc thực hiện chức năng ngân hàng trung ương, cụ thể như sau:

Thứ nhất, NHNN có vốn pháp định và các quỹ (Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ, Quỹ dự phòng tài chính) để hỗ trợ hoạt động của NHNN khi cần thiết. Với nguồn vốn pháp định, trong 75 năm hình thành và phát triển, NHNN đã đầu tư hệ thống trụ sở kiêm kho tiền, hệ thống công nghệ thông tin, các trang thiết bị chuyên dùng, đặc thù,... phục vụ cho hoạt động điều hành chính sách tiền tệ, an toàn kho quỹ và hệ thống thanh toán quốc gia (NHNN không sử dụng nguồn chi đầu tư phát triển của NSNN). Với các quỹ, NHNN có nguồn lực nội tại để xử lý trong trường hợp có sự cố ảnh hưởng đến an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, hệ thống thanh toán quốc gia, xử lý chênh lệch chi lớn hơn thu của NHNN nếu có phát sinh.

Thứ hai, các quy định về thu, chi tài chính, xác định kết quả tài chính tại Luật NHNN là phù hợp với hoạt động của một ngân hàng trung ương, phù hợp với thực tế hoạt động của NHNN, đặc biệt là việc thực hiện vai trò ngân hàng trung ương; phản ánh được các khoản thu, chi phát sinh từ hoạt động điều hành chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối,...theo thực tế phát sinh tại từng thời điểm. Nguồn thu tạo ra từ hoạt động của NHNN ngoài việc bù đắp chi phí phát sinh và trích lập các quỹ thì được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước, tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách hằng năm.

Thứ ba, về kế toán, NHNN có Bảng cân đối tài sản riêng, bao gồm các nguồn vốn, quỹ, nợ phải trả và tài sản tương ứng; thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đặc thù, phù hợp với hoạt động ngân hàng và thông lệ kế toán của NHTW trên thế giới; tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế; đảm bảo phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình tài chính gắn liền với

hoạt động của NHNN. Báo cáo tài chính của NHNN được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận hằng năm giúp hoạt động tài chính của NHNN được an toàn, minh bạch, sớm phát hiện và xử lý các vướng mắc nếu có.

Như vậy, các quy định về chế độ tài chính, kế toán của NHNN tại Luật NHNN vừa tạo sự chủ động, linh hoạt về tài chính cho NHNN nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ, tiết kiệm và tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước. Cơ chế tài chính, kế toán của NHNN là tương đồng với thông lệ tài chính, kế toán của NHTW các nước trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Về Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15

Trải qua gần 03 năm thực hiện Luật PCRT, công tác PCRT ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định, *các kết quả chính cụ thể như sau:*

- Về việc triển khai các quy định về nhận biết khách hàng, cập nhật thông tin khách hàng và phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro: Nhìn chung, trong giai đoạn từ năm 2022 đến nay, việc triển khai các quy định về nhận biết khách hàng, cập nhật thông tin khách hàng và phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro đã được các đối tượng báo cáo thực hiện tương đối đồng bộ theo quy định của Luật PCRT và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm... đã chủ động áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro trong nhận biết và giám sát khách hàng; đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý thông tin khách hàng và kiểm soát giao dịch.

- Công tác xây dựng và ban hành quy định nội bộ về PCRT tiếp tục được các đối tượng báo cáo quan tâm triển khai. Phần lớn các tổ chức đã ban hành quy định nội bộ với các nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật; việc thực hiện kiểm toán nội bộ về PCRT từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, mức độ tuân thủ và chất lượng triển khai giữa các lĩnh vực còn chưa đồng đều, đặc biệt tại một số lĩnh vực phi tài chính, quy mô nhỏ, việc xây dựng hệ thống lưu giữ thông tin và triển khai kiểm toán nội bộ còn hạn chế.

- Đối với trách nhiệm báo cáo, cung cấp và lưu giữ thông tin: các đối tượng báo cáo cơ bản đã thực hiện theo quy định; hệ thống báo cáo điện tử, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao hiệu quả thu thập, xử lý và phân tích thông tin. Chất lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ từng bước được cải thiện, phạm vi báo cáo được mở rộng ra nhiều lĩnh vực ngoài ngân hàng.

- Công tác thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về PCRT được Ngân

hàng Nhà nước triển khai thường xuyên, liên tục; cơ sở dữ liệu về giao dịch tài chính tiếp tục được mở rộng, phục vụ hiệu quả công tác phân tích, phát hiện và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền.

- Việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước với các Bộ, ngành trong hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử ngày càng được tăng cường, góp phần hỗ trợ phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Việc áp dụng các biện pháp tạm thời như trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản theo quy định của pháp luật đã được các đối tượng báo cáo thực hiện, góp phần kịp thời ngăn chặn các giao dịch có dấu hiệu liên quan đến hoạt động rửa tiền và tội phạm.

Nhìn chung, Luật PCRT được ban hành là thành quả quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật, góp phần thúc đẩy công tác phòng, chống rửa tiền nói riêng và phòng, chống tham nhũng nói chung, tạo thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về tham nhũng, rửa tiền; góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế vì những đóng góp cho nền hòa bình, ổn định, phát triển và hội nhập.

Bên cạnh đó, Luật được ban hành đúng thời điểm Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số, hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng cũng phát triển rất mạnh mẽ, do vậy, kể từ khi có hiệu lực, Luật đã giúp giảm thiểu đáng kể các rủi ro đến từ các tội phạm công nghệ, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia, của các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế, dưới sự phát triển của môi trường số, số lượng tội phạm rửa tiền ngày càng nhiều, tinh vi hơn do có sự hỗ trợ từ công nghệ, quy mô xuyên quốc gia nên rất khó khăn, phức tạp trong việc truy tìm và xử lý triệt để các hành vi rửa tiền. Trong khi đó, việc kịp thời phát hiện những hành vi đáng ngờ, có thể là nguồn gốc, mầm mống cho hành vi rửa tiền sau này là chìa khóa để đảm bảo sự minh bạch, an toàn cho thị trường tài chính thế giới, bảo vệ an ninh, hòa bình của nhân loại.

Với tư cách là thành viên của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), Việt Nam đã được APG nâng hạng từ tuân thủ một phần lên tuân thủ phần lớn đối với Khuyến nghị số 1 về Đánh giá rủi ro và áp dụng phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro, Khuyến nghị số 13 về Ngân hàng đại lý và đang lấy ý kiến các quốc gia thành viên về việc nâng mức xếp hạng Khuyến nghị 29 về FIU từ tuân thủ một phần lên tuân thủ phần lớn, dự kiến thông qua tại Hội nghị thường niên Tháng 7/2026. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, sau

khi Luật PCRT và văn bản hướng dẫn được ban hành, Việt Nam mới được APG nâng hạng đối với 04/27 khuyến nghị⁹, còn với 23 khuyến nghị chưa được ghi nhận.

Do vậy, để Luật PCRT phát huy tối đa vai trò và giá trị của mình, cũng như để thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong công cuộc phòng, chống rửa tiền trên toàn cầu và để đáp ứng các khuyến nghị của FATF/APG, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật. Hoạt động phòng, chống rửa tiền được tăng cường sẽ thúc đẩy công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền, qua đó giảm thiểu các hoạt động tội phạm, gian lận thuế, tham nhũng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tạo lập môi trường xã hội an toàn, tạo điều kiện cho hội nhập, hợp tác quốc tế.

2.3. Về Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Qua 2 năm thực hiện, các quy định tại Luật Các TCTD đã tạo nền tảng để tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện cơ sở pháp lý về xử lý nợ xấu, cơ cấu lại TCTD; đồng thời, tạo hành lang pháp lý để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại; đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3.1.1. Về tổ chức bộ máy:

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan, không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo về Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ¹⁰, ngày 24/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

⁹ Trong đó, 03/04 KN được nâng hạng dựa trên việc ban hành Luật PCRT năm 2022, 01 KN được nâng hạng dựa trên việc sửa đổi Luật PCKB

¹⁰ Nguyên tắc: Tổ chức hợp lý các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; đồng thời sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối (cơ bản kết thúc mô hình tổng cục trong các bộ, cơ quan ngang bộ).

Theo quy định tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không còn Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng¹¹. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trước đây được chuyển cho 03 đơn vị, bao gồm: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng và Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm toán nội bộ tại NHNN được thực hiện bởi Thanh tra ngân hàng và không còn đơn vị Vụ Kiểm toán nội bộ. Đồng thời, kết quả việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp (bao gồm Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố)) đã dẫn đến việc kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện.

Tuy nhiên, việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp và của NHNN (như đã nêu trên) chưa được điều chỉnh tại Luật NHNN và Luật PCRT.

Ngoài ra, Luật PCRT có một số quy định liên quan trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông và một số Bộ, ngành khác¹², tên gọi cũng như trách nhiệm của của các Bộ này đã không còn phù hợp với Điều 1 Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV¹³ và quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Điều 7 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định cơ quan thanh tra bao gồm: “1. Thanh tra Chính phủ; 2. Thanh tra tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh); 3. Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Chính phủ; 4. Thanh tra Cơ yếu; cơ quan thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế)...”. Do vậy, các cơ quan, bộ, ngành ngoài các chủ thể liệt kê tại

¹¹ Trước đây, theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/2024/QĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị *trung ương Tổng cục trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*...”.

¹² Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành khác.

¹³ Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV gồm 14 Bộ và 03 cơ quan ngang Bộ: 1. Bộ Quốc phòng; 2. Bộ Công an; 3. Bộ Ngoại giao; 4. Bộ Nội vụ; 5. Bộ Tư pháp; 6. Bộ Tài chính; 7. Bộ Công Thương; 8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 9. Bộ Xây dựng; 10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 11. Bộ Khoa học và Công nghệ; 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo; 13. Bộ Y tế; 14. Bộ Dân tộc và Tôn giáo; 15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 16. Thanh tra Chính phủ; 17. Văn phòng Chính phủ.

Điều 7 Luật số 84/2025/QH15 không còn thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Đồng thời, khoản 5 Điều 7 Luật Thanh tra giao Chính phủ quy định “Tổ chức và hoạt động cụ thể của cơ quan thanh tra quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này”. Do vậy, tổ chức và hoạt động cụ thể của Thanh tra Ngân hàng do Chính phủ quy định. Quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 về việc Thống đốc NHNN quy định trình tự, thủ tục thanh tra ngân hàng là không còn phù hợp.

3.1.2. Về các hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Chủ trì lập, theo dõi, dự báo và phân tích kết quả thực hiện cán cân thanh toán quốc tế

Khoản 15 Điều 4 Luật NHNN hiện hành chỉ quy định trách nhiệm của NHNN trong việc lập cán cân thanh toán quốc tế là chưa đầy đủ vì:

- Bộ số liệu để đánh giá tình hình kinh tế đối ngoại của 1 nền kinh tế bao gồm Cán cân thanh toán quốc tế và Bảng vị thế đầu tư quốc tế (IIP)¹⁴.

- Việt Nam có nghĩa vụ cung cấp thông tin, số liệu về IIP cho Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) theo quy định trong Điều VIII – Điều lệ IMF. Tại mục 5, Điều VIII – Điều lệ quy định các nước hội viên có nghĩa vụ cung cấp cho IMF 12 chỉ tiêu gồm: (i) nắm giữ vàng và ngoại tệ chính thức, (ii) nắm giữ vàng và ngoại tệ chính thức bởi ngân hàng và các tổ chức tài chính, (iii) sản xuất vàng, (iv) xuất nhập khẩu vàng, (v) xuất nhập khẩu hàng hóa, (vi) cán cân thanh toán quốc tế, (vii) vị thế đầu tư quốc tế, (viii) thu nhập quốc gia, (ix) các chỉ số giá, (x) tỷ giá hối đoái, (xi) các biện pháp kiểm soát ngoại hối, và (xii) các thỏa thuận thanh toán bù trừ chính thức. Do đó, để cung cấp Bảng IIP cho phía IMF, Việt Nam cần có cơ sở pháp lý cho việc lập IIP.

- Việt Nam đã tham gia Hệ thống phổ biến dữ liệu chung (GDDS), tăng cường (e-GDDS) và dữ liệu đặc biệt (SDDS), trong đó IIP là một trong những yêu cầu công bố số liệu tại e-GDDS và SDDS. Tuy nhiên, vì chưa được quy định tại Luật NHNN nên NHNN chưa có cơ sở pháp lý để thu thập thông tin, số liệu để lập bảng IIP.

¹⁴ Vị thế đầu tư quốc tế là một bảng thống kê cho biết tại một thời điểm xác định (thường là thời điểm cuối các quý, cuối năm), gồm: (i) giá trị tài sản có tài chính của nền kinh tế Việt Nam có quyền đòi người không cư trú (ví dụ tổng giá trị vốn đầu tư trực tiếp do nhà đầu tư Việt Nam đầu tư tại nước ngoài đến thời điểm cuối năm) hay vàng thỏi nắm giữ dưới dạng dự trữ là quốc gia và (ii) giá trị tài sản nợ tài chính nền kinh tế Việt Nam đang nợ người không cư trú (ví dụ tổng vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam tại thời điểm cuối năm). Đây là bảng số liệu quan trọng với giá trị IIP ròng sẽ cho biết Việt Nam là nước cho vay ròng hay nước nhận nợ, quy mô lớn hay nhỏ, từ đó đưa ra các chính sách vĩ mô phù hợp.

- Trong đợt công tác vào tháng 6/2025 của Đoàn đánh giá thường niên Điều IV-IMF, Đoàn đã đưa ra cảnh báo Việt Nam có thể bị hạ xếp hạng về thống kê khu vực đối ngoại xuống mức D (mức thấp nhất) do thiếu dữ liệu về IIP, gây hạn chế khả năng đánh giá tình hình đối ngoại, cản trở đáng kể cho công tác giám sát của IMF.

Ngoài ra, IIP là chỉ tiêu cốt lõi phản ánh trạng thái tài sản nợ-có đối ngoại của nền kinh tế, có ý nghĩa quan trọng cho NHNN và Bộ Tài chính trong điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác của Việt Nam. Cùng với Bảng Cán cân thanh toán quốc tế, IIP là bộ số liệu quan trọng thể hiện vị thế đối ngoại của quốc gia tại một thời điểm nhất định. Do đó, tại hầu hết các quốc gia, Ngân hàng Trung ương là cơ quan chủ trì biên soạn, theo dõi và phân tích 2 bộ số liệu này.

Việc xây dựng IIP để cung cấp cho Chính phủ sẽ hỗ trợ phân tích rủi ro tài chính bên ngoài và điều hành chính sách vĩ mô hiệu quả hơn, giúp đánh giá khả năng chi trả nợ nước ngoài và quản lý thanh khoản, tránh nguy cơ khủng hoảng tài chính do nợ nước ngoài cao. Đồng thời, số liệu IIP phục vụ mục tiêu giám sát vĩ mô các quốc gia của IMF; giúp các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh chính sách đầu tư, tính toán các chỉ tiêu kinh tế quan trọng, phân tích vị thế đầu tư nhằm theo dõi biến động dòng vốn ngoại (FDI, PI, vay nợ nước ngoài) để có các chính sách ứng phó kịp thời với các cú sốc tài chính toàn cầu; cung cấp thông tin hữu ích cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

Đối với NHNN, IIP là dữ liệu đầu vào quan trọng để dự báo xu hướng kinh tế, từ đó có các chính sách phù hợp về lãi suất, tỷ giá, tăng trưởng tín dụng và xác định dòng vốn tín dụng vào các khu vực có vị thế đầu tư tăng trưởng cao. Đối với các Bộ, ngành khác, IIP là cơ sở để xác định các khu vực kinh tế để có hỗ trợ đầu tư, có chiến lược thúc đẩy phát triển hoặc tháo gỡ khó khăn.

Việc công bố bảng IIP cũng giúp nâng cao tính minh bạch, chuẩn hóa thống kê theo thông lệ quốc tế (BPM6/BPM7), đồng thời góp phần nâng cao uy tín quốc gia trong thu hút đầu tư và hội nhập kinh tế toàn cầu.

b) Kiểm tra nghiệp vụ phát hành tiền, quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước

Quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc thực hiện kiểm tra nghiệp vụ in, đúc, tiêu hủy tiền tại khoản 2 Điều 22 và kiểm tra việc quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước tại khoản 5 Điều 32 cũng có sự chồng chéo giữa hoạt động kiểm tra, kiểm toán nhà nước, gây lãng phí về nguồn lực tổ chức thực hiện.

c) Quản lý ngoại hối, hoạt động ngoại hối

Luật NHNN giao nhiệm vụ, quyền hạn cho NHNN thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối. Hoạt động ngoại hối tại nước CHXHCN Việt Nam hiện cũng đang được điều chỉnh tại Pháp lệnh ngoại hối, trong đó, Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối quy định hạn chế sử dụng ngoại hối như sau: “Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.

Đối chiếu với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp¹⁵ và thực hiện Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới¹⁶, quy định trên cần được luật hóa nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, cũng như giúp tăng hiệu lực pháp lý, tạo nền tảng thống nhất với các Luật có liên quan (như Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Dầu khí,...), góp phần hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, hạn chế các tác động tiêu cực đến cung cầu ngoại tệ và chính sách tiền tệ trong nước, góp phần nâng cao vị thế của đồng Việt Nam trong nước và trên thế giới.

d) Tài chính, kế toán của NHNN

- Thu, chi tài chính:

Khi phối hợp với Bộ Tài chính để xây dựng Nghị định về chế độ tài chính của NHNN, có quan điểm cho rằng theo quy định tại Điều 43 Luật NHNN thì NHNN phải thực hiện theo các quy định về nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước tại Điều 8 Luật ngân sách nhà nước năm 2025 (Luật NSNN), trong đó có nguyên tắc “Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào NSNN”¹⁷. Nếu áp dụng theo quy định này thì NHNN phải lập dự toán các khoản thu vào dự toán thu NSNN, các khoản chi vào dự toán chi NSNN.

Tuy nhiên, việc lập dự toán ngân sách đối với thu, chi của NHNN gặp nhiều khó khăn do thu chi tài chính của NHNN phát sinh từ việc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng trung ương (NHTW). Các nghiệp vụ này được thực hiện linh hoạt, mang tính chất thời điểm tùy điều kiện tình hình kinh tế, tiền tệ và

¹⁵ 2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

¹⁶ Trong đó, nhấn mạnh “nghiên cứu bổ sung một số nội dung cần được quy định trong văn bản luật liên quan đến hạn chế quyền, ...”.

¹⁷ Khoản 2, Điều 8 Luật NSNN năm 2025

hoạt động ngân hàng trong nước và quốc tế. Việc yêu cầu NHNN xác định thu-chi để tổng hợp vào dự toán NSNN, báo cáo Chính phủ, Quốc hội phê duyệt (từ khoảng tháng 7 năm trước năm kế hoạch) và NHNN thực hiện thu, chi nghiệp vụ theo dự toán được giao là không khả thi, không phù hợp với đặc điểm hoạt động của NHTW.

Mặt khác, Luật NSNN quy định về nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, quy định nguồn thu, nhiệm vụ chi NSNN và các quy trình lập dự toán, chấp hành và quyết toán NSNN để áp dụng cho các đơn vị ngân sách từ trung ương đến địa phương. Qua rà soát cho thấy các hoạt động tài chính đặc thù của NHNN không liên quan trực tiếp đến các nguyên tắc quy định tại Điều 7, 8, 9 Luật NSNN. Trong khi đó, NHNN cần một cơ chế riêng, không thể áp dụng nguyên tắc tương tự như các cơ quan hành chính nhà nước khác.

- Kết quả tài chính:

Thực hiện quy định tại Điều 44 Luật NHNN, từ khi thành lập đến nay, NHNN không sử dụng nguồn chi NSNN mà toàn bộ các khoản chi (gồm chi hoạt động nghiệp vụ và chi bộ máy quản lý) được trang trải từ nguồn thu. Tuy nhiên, năm 2023, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 104/2023/QH15 trong đó có nội dung bãi bỏ các cơ chế tài chính đặc thù và nội dung “Không tiếp tục áp dụng cơ chế đặc thù hiện hành đối với phần kinh phí thường xuyên theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù (chi hoạt động, tăng cường năng lực, hiện đại hóa, đảm bảo hoạt động chuyên môn,...) của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước”. Từ đó dẫn đến có quan điểm cho rằng phần chi hoạt động bộ máy của NHNN phải thực hiện từ dự toán NSNN như các cơ quan hành chính khác, không được bù đắp từ nguồn thu hoạt động nghiệp vụ của NHNN.

NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính bảo vệ quan điểm tất cả các khoản chi của NHNN được bù đắp từ nguồn thu (Nghị quyết số 160/2024/QH15 về phân bổ NSTW năm 2025 quy định “Đối với NHNN, thực hiện nộp NSNN chênh lệch thu lớn hơn chi của NHNN, trong đó chi của NHNN bao gồm chi hoạt động nghiệp vụ và chi bộ máy quản lý của NHNN”).

- Các quỹ NHNN được phép thành lập trích từ kết quả tài chính hằng năm:

Hiện nay Luật NHNN và Luật NSNN đều quy định trường hợp NHNN có chênh lệch thu chi dương thì nộp NSNN (là nguồn thu của NSNN) nhưng không quy định trường hợp chênh lệch thu chi âm thì được NSNN cấp bù hoặc được sử dụng kết quả tài chính năm sau để bù đắp. Quy định này là không tương đồng

với cơ chế tài chính của các cơ quan, tổ chức khác. Hơn nữa, trên thực tế, việc xử lý kết quả tài chính của NHNN cũng có điểm khác so với khái niệm tại Luật NSNN do thực hiện quy định tại Điều 16 Chế độ tài chính ban hành theo Quyết định 07/2013/QĐ-TTg về việc sử dụng chênh lệch thu chi để trích lập các quỹ, đóng góp vào tổ chức quốc tế mà NHNN là đại diện cho Chính phủ, còn lại nộp NSNN.

Kết quả tài chính hằng năm của NHNN phụ thuộc vào thị trường tài chính-tiền tệ trong nước, quốc tế và việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ của NHNN để đạt được mục tiêu điều hành tại từng thời điểm. Kết quả tài chính của NHNN có thể dương hoặc âm. Về nguyên tắc tài chính, kết quả tài chính dương hay âm đều phải có giải pháp xử lý.

Hiện nay, khoản 3 Điều 45 Luật NHNN năm 2010 quy định kết quả tài chính của NHNN sau khi trích lập các quỹ được nộp vào NSNN. Luật NSNN quy định nguồn thu của ngân sách trung ương là chênh lệch thu lớn hơn chi của NHNN mà không quy định chênh lệch chi lớn hơn thu (CLTC âm) của NHNN là một khoản chi của NSNN. Nguồn xử lý CLTC âm (khi có phát sinh) hiện nay chỉ có Quỹ Dự phòng tài chính của NHNN (DPTC).

Do quy mô Quỹ DPTC chỉ tối đa 2.500 tỷ đồng và tỷ lệ trích bổ sung hằng năm rất nhỏ (10% CLTC), trong khi do điều hành chính sách tiền tệ và nghiệp vụ ngân hàng, NHNN có thể phát sinh CLTC âm với giá trị rất lớn, dẫn đến không đủ nguồn để bù đắp. Thực tế năm 2014, NHNN đã phát sinh CLTC âm với giá trị gấp khoảng 10 lần số dư Quỹ DPTC tại thời điểm đó. NHNN đã phải sử dụng số dư Quỹ DPTC tích lũy trong 05 năm (2013, 2015, 2016, 2017, 2018) mới bù đắp được khoản CLTC âm này.

Qua nghiên cứu thông lệ quốc tế cho thấy, đa số ngân hàng trung ương các nước có cơ chế phân phối kết quả tài chính theo thứ tự ưu tiên là trích quỹ dự trữ, bù đắp CLTC âm năm trước, còn lại nộp NSNN. Trường hợp ngân hàng trung ương không đủ nguồn bù đắp CLTC âm thì được Chính phủ cấp bù¹⁸.

¹⁸ - NHTW Thái Lan sử dụng chênh lệch thu chi hoặc quỹ dự phòng để bù đắp lỗ năm trước (nếu có).

- NHTW Châu Âu đã thực hiện khảo sát và thống kê cách thức các NHTW ứng xử khi phát sinh lỗ trong quá trình hoạt động (*Bunea D, et al (2016), Profit distribution and loss coverage rules for central banks, ECB Occasional Paper Series <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scopops/ecbop169.en.pdf>*). Trong đó, Nhóm các NHTW (22/57 NHTW) được Chính phủ bù đắp lỗ: khi lỗ phát sinh, Chính phủ sẽ bù lỗ sau khi dự phòng được sử dụng hết, thông qua cấp phát ngân sách hoặc phát hành trái phiếu chính phủ nhằm cung cấp cho NHTW khoản tài chính đủ để khôi phục mức vốn của ngân hàng. Tại Trung Quốc, theo quy định tại Chế độ tài chính Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc - PBoC, phần thua lỗ của PBoC sẽ dùng tổng dự trữ để bù đắp, nếu tổng dự trữ không đủ bù đắp, phần còn thiếu sẽ do Chính phủ bù đắp (Article 39: Losses incurred by the People's Bank of China shall be financed by appropriations from the States). Tại Đài Loan, thứ tự các biện pháp thực hiện bù đắp thua lỗ bao gồm: Sử dụng phần lợi nhuận chưa phân bổ, sử dụng nguồn dự trữ, cắt giảm vốn và cuối cùng là cấp vốn bù đắp. Tại Hàn Quốc, tổn thất phát sinh trong quá trình kinh doanh của Ngân hàng Trung ương Hàn

Như vậy, quy định về xử lý kết quả tài chính hằng năm của NHNN hiện nay còn bất cập, chưa hợp lý về nguyên tắc tài chính, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo ra vướng mắc trong thực tiễn.

3.2. Luật Các tổ chức tín dụng

Theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật các TCTD, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng được ghi trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 15 Luật các TCTD quy định về việc cấm TCTD thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ngoài các hoạt động ghi trong Giấy phép. Theo đó, tổ chức tín dụng chỉ được thực hiện các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng phù hợp với quy định tại Luật các TCTD. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 không quy định ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận và quản lý tài sản bảo đảm.

Trong những năm vừa qua, thị trường chứng khoán Việt Nam đã từng bước trở thành kênh huy động vốn chiến lược cho doanh nghiệp và nền kinh tế tư nhân. Đồng thời, chính sách tiền tệ đã phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, qua đó, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi để thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm phát triển thị trường vốn, giảm áp lực cho hệ thống ngân hàng.

Tại điểm a khoản 1 Điều 56 Luật Chứng khoán và khoản 13 Điều 4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, thành viên lưu ký là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép làm Đại diện người sở hữu trái phiếu cho các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng. Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định Đại diện người sở hữu trái phiếu có vai trò nhận và quản lý tài sản bảo đảm của trái phiếu doanh nghiệp. Như vậy, pháp luật chứng khoán cho phép ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại diện người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, theo quy định của Luật TCTD hiện hành, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được nhận và quản lý tài sản bảo đảm.

Quốc (BoK) trong bất kỳ năm tài chính nào phải được bù đắp từ các nguồn dự trữ của BoK. Nếu dự trữ không đủ thì phần thiếu hụt được Chính phủ bù đắp theo quy định của Luật Quản lý tài chính quốc gia năm 2011 (Article 100: Any loss incurred by the Bank of Korea during any fiscal year shall be offset from the reserves and, should these be insufficient, the deficiency shall be made up by the Government in accordance with the National Fiscal Management Act).

Trong bối cảnh hiện nay cần phát triển thị trường vốn, giảm áp lực cho lĩnh vực ngân hàng, việc cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động quản lý tài sản bảo đảm của trái phiếu doanh nghiệp thông qua phát huy kinh nghiệm, lợi thế và nguồn lực trong việc quản lý tài sản bảo đảm sẽ góp phần giúp lành mạnh hóa thị trường trái phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích của các trái chủ. Điều này đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 114 Luật các TCTD.

3.3. Luật Phòng, chống rửa tiền

3.3.1. Thiếu hụt theo Khuyến nghị của FATF

Liên quan đến việc thực hiện các hành động theo cam kết với FATF, đến tháng 5/2025, thời hạn thực hiện các hành động trong KHHĐQG cam kết với FATF đã kết thúc. Do phần lớn các hành động chưa đạt được tiến triển cần thiết, FATF tiếp tục duy trì Việt Nam trong Danh sách Xám và Việt Nam phải tiếp tục triển khai KHHĐQG và thực hiện quy trình báo cáo tiến triển với Nhóm đánh giá của FATF như thời gian trước đây. Theo đánh giá không chính thức của FATF, với tiến độ hiện tại, Việt Nam sẽ cần thêm ít nhất từ 01 đến 02 năm kể từ ngày KHHĐQG hết hạn để hoàn thành cam kết.

Theo quy trình rà soát, FATF đánh giá kết quả thực hiện các hành động của quốc gia theo chu kỳ 04 tháng/kỳ (kỳ PR) và theo 04 mức tiến triển: Hoàn thành toàn bộ, Hoàn thành phần lớn, Hoàn thành một phần, và Chưa hoàn thành. Các hành động phải đạt mức đánh giá Hoàn thành toàn bộ hoặc Hoàn thành phần lớn mới được coi là đã hoàn thành.

Theo quy định của Luật PCRT, các đối tượng báo cáo cần phải thực hiện các biện pháp PCRT bao gồm nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng; báo cáo, cung cấp và lưu giữ thông tin; áp dụng các biện pháp tạm thời. Tuy nhiên, đối chiếu các quy định theo các yêu cầu tại 40 khuyến nghị của FATF về các biện pháp phòng ngừa rửa tiền mà đối tượng báo cáo phải áp dụng, vẫn còn tồn tại một số nội dung chưa đáp ứng như:

a) Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đã và đang từng bước thiết lập khuôn khổ pháp lý đối với tài sản số và tài sản mã hóa. Luật Công nghệ công nghệ số có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã quy định về tài sản số và nội dung quản lý tài sản số; đồng thời, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam đã cho phép triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa và quy định việc cấp phép đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa. Do đó, việc Luật PCRT chưa

có quy định về việc các tổ chức được cấp phép thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực tài sản mã hóa là đối tượng báo cáo và có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền sẽ dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đồng thời chưa bảo đảm đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khuyến nghị 15 của FATF về quản lý, giám sát và áp dụng các biện pháp phòng, chống rửa tiền đối với nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo.

b) Quy định về báo cáo giao dịch đáng ngờ về rửa tiền còn hẹp, chưa bao gồm mọi giao dịch nghi ngờ liên quan đến hoạt động phạm tội.

c) Quy định về các dấu hiệu cảnh báo về giao dịch đáng ngờ mới chỉ đưa ra các dấu hiệu cảnh báo chung, lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; các lĩnh vực khác đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh bất động sản chưa có hướng dẫn cụ thể;

Ngoài ra, Luật PCRT có một số quy định liên quan trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông và một số Bộ, ngành khác¹⁹, tên gọi cũng như trách nhiệm của các Bộ này đã không còn phù hợp với Điều 1 Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV²⁰ và quy định của pháp luật.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Như đã đề cập tại mục I, II Báo cáo này, việc sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật NHNN, Luật PCRT và Luật các TCTD là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về hoàn thiện thể chế, phát triển hệ thống tài chính – ngân hàng, khắc phục, tháo gỡ các “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ pháp luật; từ đó, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của nền kinh tế, đồng thời tăng cường việc khắc phục các hạn chế theo khuyến nghị của APG/FATF qua đó hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống rửa tiền theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

NHNN đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật NHNN; Luật PCRT; Luật các TCTD như sau:

¹⁹ Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành khác.

²⁰ Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV gồm 14 Bộ và 03 cơ quan ngang Bộ: 1. Bộ Quốc phòng; 2. Bộ Công an; 3. Bộ Ngoại giao; 4. Bộ Nội vụ; 5. Bộ Tư pháp; 6. Bộ Tài chính; 7. Bộ Công Thương; 8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 9. Bộ Xây dựng; 10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 11. Bộ Khoa học và Công nghệ; 12. Bộ Giáo dục và Đào tạo; 13. Bộ Y tế; 14. Bộ Dân tộc và Tôn giáo; 15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 16. Thanh tra Chính phủ; 17. Văn phòng Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 4 như sau:

“15. Chủ trì lập, theo dõi, dự báo và phân tích kết quả thực hiện cán cân thanh toán quốc tế *của Việt Nam; lập, theo dõi, và phân tích trạng thái đầu tư quốc tế của Việt Nam.*”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định, ~~trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật này.~~”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ~~huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh~~ không có *trụ sở* của Ngân hàng Nhà nước *chi nhánh*, việc thực hiện các giao dịch cho Kho bạc Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.

4. Bổ sung Điều 31a vào trước Điều 31 như sau:

“Điều 31a. Nguyên tắc sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam

Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác không được thực hiện bằng ngoại hối trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước để xây dựng Bảng cân đối tiền tệ, xây dựng cán cân thanh toán *quốc tế* của Việt Nam, *xây dựng trạng thái đầu tư quốc tế của Việt Nam* và đánh giá, dự báo xu hướng phát triển của thị trường tiền tệ nhằm phục vụ việc xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, công tác quản lý ngoại hối.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Thu, chi tài chính

Thu, chi tài chính của NHNN về nguyên tắc thực hiện theo quy định của Luật NSNN *và phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Trung ương.* Thủ tướng

Chính phủ quy định những nội dung thu, chi tài chính phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Ngân hàng Nhà nước.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Kết quả tài chính

Kết quả tài chính hằng năm của Ngân hàng Nhà nước được xác định bằng nguồn thu về hoạt động nghiệp vụ ngân hàng và các nguồn thu khác, sau khi trừ *các khoản* chi phí hoạt động (*bao gồm chi hoạt động nghiệp vụ và chi bộ máy quản lý*) và các khoản dự phòng rủi ro.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 45 như sau:

“3. Kết quả tài chính của Ngân hàng Nhà nước sau khi trích lập các quỹ tại khoản 1 Điều này *và bù đắp chênh lệch chi lớn hơn thu các năm trước (nếu có)* được nộp vào ngân sách nhà nước.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của đôi tượng giám sát ngân hàng

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của ~~Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng~~ *Ngân hàng Nhà nước*; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Báo cáo, giải trình đối với kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của ~~Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng~~ *Ngân hàng Nhà nước*.

3. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của ~~Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng~~ *Ngân hàng Nhà nước*.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 62 như sau:

“Điều 62. Kiểm toán nội bộ

~~1. Kiểm toán nội bộ là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ Ngân hàng Nhà nước.~~

~~2. Quy chế kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.~~

Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ theo Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.”.

11. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22, khoản 5 Điều 32, Điều 49.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15

1. Bổ sung điểm n vào sau điểm m khoản 1 Điều 4 như sau:

“n) Dịch vụ tài sản mã hóa”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thông tin nhận biết khách hàng

Đối tượng báo cáo phải thu thập các thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm:

1. Thông tin nhận dạng khách hàng, kể cả thông tin về người đại diện của khách hàng cá nhân (nếu có):

a) Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại liên lạc; số Chứng minh nhân dân *Căn cước* hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại khác (nếu có);

b) *Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ (nếu có); số Hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu có). Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm số thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; số điện thoại liên lạc và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;*

~~Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại liên lạc; số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; số thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; địa chỉ cư trú ở nước ngoài và địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;~~

~~e) Đối với khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số Hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ cư trú ở nước ngoài;~~

d) Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên: thông tin tương ứng quy định tại điểm a, b hoặc c khoản này; quốc tịch, địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch còn lại;

đ-c) Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (nếu có), số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật; địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu có), địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam;

e-d) Đối với khách hàng tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; **hình thức pháp lý**, địa chỉ trụ sở chính và **địa điểm kinh doanh chính (nếu khác với địa chỉ trụ sở chính)**; số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; số điện thoại liên lạc; số fax, trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động và kinh doanh; thông tin về người thành lập (**nếu có hoặc nếu xác định được**), người đại diện theo pháp luật, **người đại diện hợp pháp theo ủy quyền**, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức bao gồm các thông tin tương ứng quy định tại điểm a, b, c, d hoặc đ khoản này và các thông tin tại điểm này đối với trường hợp người thành lập là tổ chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng **quy định tại Điều 10 Luật này, bao gồm:**

a) Đối với khách hàng cá nhân: ~~Chứng minh nhân dân~~ **Căn cước**, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với khách hàng tổ chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức (**nếu có**); quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi.

c) **Đối với khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý: Văn bản thành lập thỏa thuận pháp lý; tài liệu đăng ký thỏa thuận pháp lý (nếu có) và các tài liệu có liên quan đến việc thành lập thỏa thuận pháp lý khác (nếu có).**

d) **Các tài liệu, dữ liệu và nguồn thông tin đáng tin cậy khác có liên quan.**

2. Đối tượng báo cáo có thể khai thác thông tin trong các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật, thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức khác quy định tại Điều 13 hoặc bên thứ ba quy định tại Điều 14 của Luật này để đối chiếu, xác minh thông tin do khách hàng cung cấp.

3. Đối với khách hàng là tổ chức, đối tượng báo cáo phải xác minh tư cách pháp lý, cấu trúc sở hữu và quyền kiểm soát của tổ chức đó thông qua các tài liệu thu thập từ các nguồn độc lập để xác định chính xác cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng.

4. Trường hợp không thể hoàn thành việc xác minh thông tin theo quy định do khách hàng không cung cấp đủ thông tin hoặc thông tin không thể xác thực từ nguồn độc lập, đối tượng báo cáo không được thực hiện giao dịch, không được thiết lập hoặc phải chấm dứt mối quan hệ kinh doanh và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định của pháp luật.

5. Đối tượng báo cáo thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng trước hoặc trong quá trình thiết lập mối quan hệ kinh doanh với khách hàng hoặc khi thực hiện giao dịch đối với các khách hàng không thường xuyên. Trong trường hợp pháp luật cho phép xác thực sau khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh, đối tượng báo cáo cần đảm bảo việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng được thực hiện sớm nhất có thể mà không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo và trên cơ sở quản lý hiệu quả rủi ro rửa tiền.

6. Đối tượng báo cáo phải có quy trình quản lý rủi ro đối với các trường hợp/điều kiện khách hàng có thể tận dụng mối quan hệ kinh doanh được thiết lập trước đây để xác minh thông tin nhận biết khách hàng.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Đối tượng báo cáo phải ban hành và **thực hiện đầy đủ** các chính sách, quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới nhằm mục đích sau đây:

a) Phát hiện, ngăn chặn việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới để rửa tiền;

b) Quản lý rủi ro về rửa tiền khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Giám sát một số *mối quan hệ kinh doanh và giao dịch đặc biệt*

1. Đối tượng báo cáo phải giám sát *các mối quan hệ kinh doanh và đối với giao dịch đặc biệt* sau đây:

a) Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định của Chính phủ;

b) *Mối quan hệ kinh doanh hoặc giao dịch liên quan đến* ~~Giao dịch~~ với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc Danh sách cảnh báo.

2. Để giám sát *các mối quan hệ kinh doanh và giao dịch đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này*, đối tượng báo cáo phải:

a) Áp dụng các biện pháp tăng cường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 của Luật này; *phù hợp với mức độ rủi ro đối với cả mối quan hệ kinh doanh và giao dịch.*

b) Kiểm tra thông tin, *bối cảnh* và mục đích của giao dịch; trường hợp có nghi ngờ, đối tượng báo cáo phải xem xét, phân tích, báo cáo giao dịch đáng ngờ và có thể từ chối giao dịch đó.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26 như sau:

“1. *Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản do phạm tội mà có.*

Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản do phạm tội mà có được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này hoặc có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo xác định.

2. Khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này, đối tượng báo cáo, các Bộ, ngành có liên quan thông báo cho NHNN

3. Căn cứ yêu cầu của công tác PCRT trong từng thời kỳ, NHNN trình Chính phủ bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ theo các ngành, lĩnh vực ngoài các dấu hiệu quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và 33a của Luật này.”.

7. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33 như sau:

“Điều 33a. Dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực tài sản mã hóa

1. Chia nhỏ giao dịch tài sản mã hóa thành nhiều khoản có giá trị thấp hơn mức quy định về nhận biết khách hàng hoặc về báo cáo theo quy định; hoặc thực hiện nhiều giao dịch giá trị lớn trong thời gian ngắn mà không có mục đích kinh doanh rõ ràng.

2. Nạp, giao dịch và rút tài sản mã hóa liên tiếp trong thời gian rất ngắn ngay sau khi thiết lập quan hệ khách hàng, không phù hợp với hồ sơ và đặc điểm của khách hàng; hoặc thực hiện giao dịch tới, từ tài khoản mới mở hoặc tài khoản đã không hoạt động trong thời gian dài.

3. Chuyển ngay tài sản mã hóa tới nhiều nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại các quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc có khuôn khổ phòng, chống rửa tiền yếu kém, trong khi không có mối liên hệ hợp lý với nơi cư trú hoặc địa điểm hoạt động của khách hàng.

4. Chuyển đổi tài sản mã hóa sang nhiều loại tài sản mã hóa khác nhau hoặc sang tiền pháp định trong điều kiện bất lợi về giá, chấp nhận thua lỗ hoặc chịu mức phí giao dịch cao bất thường so với mặt bằng thị trường mà không có lý do kinh doanh hợp lý.

5. Nhiều tài khoản hoặc nhiều ví không có mối liên hệ rõ ràng cùng chuyển tài sản mã hóa về một địa chỉ ví duy nhất hoặc tới cùng một nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa; hoặc một tài khoản chuyển tài sản mã hóa tới nhiều ví khác nhau với giá trị tương đương nhau liên tiếp trong thời gian ngắn.

6. Sử dụng tài sản mã hóa có tính năng tăng cường ẩn danh, dịch vụ trộn giao dịch hoặc thực hiện nhiều lần chuyển đổi qua các loại tài sản mã hóa khác nhau nhằm che giấu nguồn gốc, đường đi của tài sản hoặc làm gián đoạn khả năng truy vết giao dịch.

7. Giao dịch tài sản mã hóa từ các địa chỉ ví hoặc các nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đã được cơ quan có thẩm quyền xác định hoặc cảnh báo có liên quan đến hoạt động phạm tội, chợ đen, tổng tiền, lừa đảo, cờ bạc trực tuyến bất hợp pháp hoặc tài sản bị đánh cắp.

8. Khách hàng truy cập nền tảng của nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa qua các công cụ cho phép ẩn danh danh tính hoặc ẩn danh địa chỉ giao thức Internet; hoặc sử dụng nhiều địa chỉ giao thức Internet khác nhau,

không nhất quán với thông tin địa lý trong hồ sơ khách hàng đã được xác minh; hoặc nhiều ví tài sản mã hóa đứng tên các danh tính khác nhau nhưng có dấu hiệu được vận hành từ cùng một thiết bị hoặc địa chỉ giao thức Internet.

9. Khách hàng từ chối, trì hoãn cung cấp tài liệu nhận biết khách hàng, thông tin về nguồn gốc tài sản; cung cấp tài liệu có dấu hiệu giả mạo hoặc thông tin không nhất quán; hoặc không thể giải thích hợp lý về giao dịch, nguồn gốc tài sản và mối quan hệ với bên đối tác.

10. Địa chỉ ví tài sản mã hóa của khách hàng xuất hiện trên các nguồn thông tin công khai có liên quan đến hoạt động bất hợp pháp; hoặc tài sản mã hóa nạp, rút có lịch sử qua các cầu nối liên chuỗi được đánh giá có rủi ro cao.

11. Khách hàng có dấu hiệu đứng tên hộ, bị lợi dụng làm trung gian hoặc là nạn nhân của lừa đảo, bao gồm trường hợp khách hàng có hiểu biết hạn chế về tài sản mã hóa nhưng thực hiện giao dịch với tần suất và giá trị lớn không tương xứng với hồ sơ tài chính cá nhân; hoặc thực hiện giao dịch theo chỉ dẫn của bên thứ ba.

12. Nguồn tài sản của khách hàng chủ yếu hình thành từ tài sản mã hóa, từ các đợt phát hành tài sản mã hóa lần đầu thiếu minh bạch hoặc có dấu hiệu gian lận; hoặc tài sản mã hóa của khách hàng có nguồn gốc trực tiếp từ các dịch vụ trộn giao dịch hoặc từ các nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thiếu kiểm soát về phòng, chống rửa tiền.

13. Giao dịch với nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa chưa được đăng ký, cấp phép hoạt động; hoặc giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ có khuôn khổ phòng, chống rửa tiền yếu kém hoặc thuộc danh sách giám sát tăng cường theo công bố của các tổ chức phòng, chống rửa tiền quốc tế.

14. Nội dung ghi chú kèm theo giao dịch tài sản mã hóa có dấu hiệu liên quan đến hoạt động bất hợp pháp; hoặc khách hàng thường xuyên thay đổi các thông tin nhận dạng và xác thực quan trọng không phù hợp với hành vi sử dụng thông thường; hoặc nhiều lần cố gắng truy cập nền tảng của nhà cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa từ các địa chỉ giao thức Internet khác nhau.

15. Khách hàng sử dụng sàn giao dịch tài sản mã hóa hoặc nền tảng giao dịch ở các quốc gia, vùng lãnh thổ đã được cơ quan chức năng Việt Nam và các nước trên thế giới xác định là điểm nóng về tội phạm lừa đảo xuyên quốc gia.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo sau đây:

a) Thông tin, hồ sơ, tài liệu nhận biết khách hàng;

~~b) Kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo;~~

e-b) Thông tin, hồ sơ, tài liệu, *kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng;*

c) Thông tin liên quan đến tất cả các giao dịch bao gồm cả giao dịch trong nước và quốc tế; ~~khác liên quan đến khách hàng, giao dịch phải báo cáo~~

d) Báo cáo giao dịch quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật này và thông tin, hồ sơ, tài liệu kèm theo giao dịch báo cáo.

2. Thời hạn lưu trữ quy định như sau:

a) ***Ít nhất 05 năm*** kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản ***hoặc chấm dứt giao dịch kinh doanh*** hoặc ngày báo cáo đối với các thông tin, hồ sơ, tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

b) ***Ít nhất 05 năm*** kể từ ngày phát sinh giao dịch đối với các báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất 10 năm đối với lịch sử giao dịch, thông tin về người khởi tạo, người thụ hưởng (tối thiểu tên, địa chỉ, địa chỉ ví), lịch sử địa chỉ thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ giao thức Internet (sau đây gọi là địa chỉ IP) truy cập; thông tin thiết bị truy cập; thông tin mở tài khoản, thông tin tài khoản ngân hàng liên kết của nhà đầu tư.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Đối tượng báo cáo, ***giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên của tổ chức tài chính*** phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này.

2. Đối tượng báo cáo, ***giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên của tổ chức tài chính*** không được tiết lộ ***cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào*** thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc thông tin liên quan đến giao dịch đáng ngờ.”.

10. Bổ sung Điều 48a vào sau Điều 48 như sau:

“Điều 48a. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ không có Thanh tra Bộ, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi điện tử có thưởng, casino, xổ số, đặt cược và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

2. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực chứng khoán; tài sản mã hóa~~Thanh tra, Kiểm tra~~, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản.

~~2. Thanh tra, Kiểm tra~~, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền ~~trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản~~ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này ***đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.***”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

“Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực công chứng, hành nghề luật sư.

2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. ~~Thanh tra, K~~kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền ~~trong lĩnh vực công chứng, hành nghề luật sư~~ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này ***đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.***”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh kim khí quý, đá quý, ~~trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ.~~

2. ~~Thanh tra, K~~kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền ~~trong lĩnh vực kinh doanh kim khí quý, đá quý, trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ~~ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này ***đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.***”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

“Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

~~1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet.~~

~~2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.~~

~~3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.~~

~~4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc thông tin, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền.~~

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo đó.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đối với lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền.

2. ~~Thanh tra,~~ **K**iểm tra đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan định kỳ thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật này.”.

17. Bãi bỏ Điều 55, khoản 1 Điều 64.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 114 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 114 như sau:

“e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm của trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ”.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành một số quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật các Tổ chức tín dụng có liên quan đến nội dung tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật các Tổ chức tín dụng.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó TTgCP (để b/c);
- BLĐ NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Bộ Tư pháp (để ph/h);
- Lưu: VP.PC.BT.Tùng.

THÔNG ĐỐC